



■ Bùi Hào

Nói đến nguồn nhân lực chất lượng cao thì chắc chắn phải đề cập đến tầng lớp trí thức khoa học, bởi đó là tinh hoa của nguồn nhân lực chất lượng cao, là tinh hoa của một dân tộc, và là lực lượng quan trọng để hội nhập quốc tế. Trí thức có vai trò quan trọng bởi họ chính là cầu nối trên nhiều phương diện cho địa phương, quốc gia với các cộng đồng khác trên thế giới. Ngược lại, quá trình hội nhập quốc tế cũng làm thay đổi vị thế, vai trò cũng như làm bộc lộ điểm mạnh điểm yếu của giới trí thức. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sản xuất tri thức khoa học của những người trí thức cũng thay đổi nhanh chóng. Một mặt, những trí thức về khoa học với những quy chuẩn quốc tế đang thúc đẩy những người trí thức hội nhập sâu hơn vào thế giới học thuật toàn cầu, tạo nên những chuyên gia quốc tế được nhiều người tôn sùng. Mặt khác, khi chạy theo các tiêu chí quốc tế thì những hạn chế của giới trí thức cũng bắt đầu xuất hiện và nó đòi hỏi người trí thức phải tự chuyển đổi, tự đào tạo để theo kịp các xu hướng phát triển. Những thay đổi to lớn đó cũng tác động đến chính sách đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, mà cụ thể ở đây là những trí thức khoa học của các địa phương, các quốc gia phải thay đổi để thích ứng.

Cuộc chạy đua tiêu chuẩn quốc tế

Trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác đang tham gia vào cuộc chạy đua dưới tên gọi là theo các “tiêu chuẩn quốc tế”. Trong đó có hai cuộc chạy đua vốn đang trở thành trao lưu thời thượng của việc sản xuất tri thức khoa học nước nhà là cuộc chạy đua xếp hạng đại học và cuộc chạy đua công bố quốc tế. Hai cuộc chạy đua này cũng có quan hệ chặt chẽ với nhau và trở thành

thước đo ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu chạy đua xếp hạng đại học là mục tiêu của các trường đại học thì công bố quốc tế gắn liền với cá nhân các nhà nghiên cứu hơn. Nhưng công bố quốc tế cũng là một tiêu chí quan trọng trong việc xếp hạng đại học và các nhà nghiên cứu cũng lấy việc công bố quốc tế như một phần quan trọng trong lý lịch khoa học của mình.

Hầu hết các trường đại học đều đặt ra mục tiêu được đưa vào các bảng xếp hạng đại học của các tổ chức đánh giá giáo dục trên thế giới. Và đương nhiên, quá trình xếp hạng đại học cũng là một quá trình cạnh tranh vị trí giữa các trường đại học với nhau ở nhiều phạm vi khác nhau. Chính động lực đó đã thôi thúc các trường đại học không ngừng thu hút nhân tài để tăng cường nguồn lực cạnh tranh của trường mình. Trong đó, quan trọng nhất chính là thu hút đội ngũ các nhà nghiên cứu được đào tạo ở nước ngoài về với những mức lương và đãi ngộ khác nhau. Nhìn chung, các chương trình thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học tập trung vào điều kiện vật chất và môi trường làm việc. Đó là những vấn đề cơ bản để thu hút được nhân tài. Và mục tiêu của nhiều trường đại học là muốn dựa vào đội ngũ cán bộ khoa học được đào tạo ở nước ngoài hoặc một vài cơ sở đào tạo uy tín trong nước để tăng số lượng công trình khoa học công bố quốc tế nhằm cải thiện thứ hạng của nhà trường trên các bảng xếp hạng. Theo những con đường như vậy, nhiều trường đại học không ngừng cải thiện thứ bậc, thậm chí tăng nhanh chóng dù bề dày lịch sử nhà trường còn vô cùng hạn hẹp so với các cơ sở đào tạo đã xây dựng và phát triển lâu năm. Một vấn đề mà nhiều người đặt ra là các bảng xếp hạng đại học có thúc đẩy được sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học của một quốc gia như Việt Nam hay không và các trường đại học có thứ bậc càng cao thì có phải đi cùng đó là chất lượng đào tạo sẽ cao lên hay không? Vấn đề này vô cùng quan trọng và nó liên hệ với việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục, nhất là giáo dục đại học sẽ như thế nào cho phù hợp trước các làn sóng về xếp hạng trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay?

Nếu các trường đại học tập trung vào việc thu hút nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học để tăng số lượng công trình công bố quốc tế và qua đó tăng vị trí của mình trên các bảng xếp hạng, thì các nhà khoa học cũng bị cuốn vào cuộc chạy đua công bố quốc tế để khẳng định vị thế chuyên gia quốc tế

của mình và qua đó cũng để tìm kiếm những lợi ích khác. Các nhà nghiên cứu được đào tạo từ các đại học uy tín ở nước ngoài về có nhiều thuận lợi trong việc công bố quốc tế. Từ trình độ ngoại ngữ, trải nghiệm giáo dục quốc tế, kinh nghiệm về nghiên cứu và công bố quốc tế. Bên cạnh đó là mạng lưới xã hội rộng lớn với các nền học thuật quốc tế. Những điều đó mang lại cho họ rất nhiều cơ hội để có nhiều công trình công bố quốc tế hơn. Còn với các nhà nghiên cứu được đào tạo trong nước, trong bối cảnh hiện tại cũng phải cố gắng vươn ra để có công trình công bố quốc tế. Họ không ngừng nỗ lực học ngoại ngữ, cố gắng để có những chuyên đi thực tập, trao đổi, học hỏi ở nước ngoài để tăng cường năng lực về công bố quốc tế của bản thân. Bên cạnh đó là tham gia vào những sinh hoạt học thuật liên quan đến công bố quốc tế từ những kỹ năng cơ bản đến tham gia vào các mạng lưới học thuật quốc tế nhằm tìm kiếm cơ hội cũng như học hỏi thêm trong hoạt động công bố quốc tế. Thậm chí, có những nhà nghiên cứu đã lớn tuổi cũng đi học tiếng Anh và các kinh nghiệm công bố quốc tế với mong muốn nâng cao năng lực công bố quốc tế của mình. Tại sao các nhà nghiên cứu ở Việt Nam lại cần công bố quốc tế đến vậy? Đó là lợi ích! Số lượng và chất lượng của bài công bố quốc tế là tiêu chí quan trọng để khẳng định vị thế chuyên gia của các nhà nghiên cứu. Các tạp chí khoa học trên thế giới đều có những phân hạng thứ bậc khác nhau và được các tổ chức đánh giá khác nhau theo các thứ bậc. Những nhà khoa học có bài công bố

trên các tạp chí hàng đầu, các tạp chí thứ bậc càng cao thì càng được giới chuyên môn đánh giá cao và họ được coi là những chuyên gia quốc tế hàng đầu trong lĩnh vực đó. Các nhà nghiên cứu càng có nhiều bài công bố quốc tế trên các tạp chí uy tín thì trở thành các chuyên gia quốc tế, các nhà học thuật xuất sắc hay nhiều danh hiệu khác. Và uy tín của họ trong giới học thuật cũng tăng cao. Không chỉ là chuyện danh vọng, mà còn nhiều lợi ích kèm theo. Các trường đại học hàng đầu sẽ mời gọi họ với những ưu đãi lớn để cải thiện hay khẳng định vị thế của trường trên bảng xếp hạng như đã nói ở trên. Các chính phủ, doanh nghiệp và các hiệp hội cũng sẽ mời họ tham gia và các hoạt động khác vì họ có uy tín lớn. Nói chung, công bố quốc tế có thể định danh một nhà nghiên cứu và mang lại cho họ nhiều lợi ích cả vật chất lẫn tinh thần nên người ta chạy theo cuộc chơi công bố quốc tế là một lựa chọn rất duy lý.

Mục đích của sản xuất tri thức khoa học

Đưa nền khoa học nước nhà phát triển theo các tiêu chuẩn học thuật quốc tế là một biểu hiện của việc hội nhập quốc tế về khoa học, cũng là chứng minh cho

việc Việt Nam sẽ hội nhập quốc tế một cách toàn diện. Và về xu hướng học thuật chung của nhân loại trong bối cảnh toàn cầu hóa thì quốc tế hóa các nền học thuật là con đường chính mà nhiều quốc gia theo đuổi. Việc chấp thuận và đi theo con đường quốc tế hóa các tiêu chí học thuật cũng được hầu hết các nhà khoa học cổ vũ. Công bố quốc tế hay xếp hạng đại học giúp cho nền học thuật, nền giáo dục đại học Việt Nam phải không ngừng đổi mới để thoát khỏi cái ao làng và vươn ra tầm vóc quốc tế. Và điều đó cũng làm cho quá trình sản xuất tri thức khoa học được nâng cao về mặt chất lượng và tiến gần hơn với các nền học thuật phát triển.

Nhưng nếu sản xuất tri thức khoa học chỉ để phục vụ mục tiêu duy nhất là công bố quốc tế và xếp hạng đại học thì sẽ có nhiều vấn đề xảy ra. Trước hết đó là “sự bất đối xứng giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu”, một vấn đề đã được



Lễ tôn vinh trí thức Khoa học và Công nghệ tiêu biểu Việt Nam năm 2022

học giả Stan BH Tan-Tangbau đã đề cập đến trong nghiên cứu của mình. Khi thảo luận về cuộc chạy đua xếp hạng đại học và công bố quốc tế, Stan BH Tan-Tangbau (2019) đã phải thốt lên rằng: Thứ nhất, giờ đây, học giả khoa học xã hội có địa vị khoa học cao đến mức người ta có thể đại diện cho tiếng nói/suy nghĩ/quan điểm của đối tượng mà ông ta/ bà ta nghiên cứu. Thứ hai, sự sáng tạo tri thức khoa học cơ bản được đo lường về số lượng công bố quốc tế (bằng tiếng Anh) trong các kênh được chứng thực (qua các nhà xuất bản học thuật có tính thương mại). Với xu hướng hiện tại này, dường như quá trình toàn cầu hóa các ngành khoa học xã hội không có liên quan gì nhiều lắm đến chính những người mà các công trình này nói đến. Toàn cầu hóa chỉ nằm trong lĩnh vực của các chuyên gia. Nhưng trong lúc cuộc chạy đua hay cuộc chơi của các “nhà nghiên cứu” diễn ra rầm rộ như vậy thì “đối tượng nghiên cứu” của họ đang làm gì và có liên quan gì không? Trong khi đó, các nhà bản địa học phê phán quan tâm nhiều đến vấn đề này khi đưa ra những quan điểm chống lại việc coi “đối tượng nghiên cứu” vốn là những con người, trong lĩnh vực tộc người thì họ chủ yếu là những người bản địa, đang bị các “nhà nghiên cứu” xem như là những công cụ để họ tham gia vào cuộc chơi công bố quốc tế. Như Linda Tuhiwai Smith (2012:1) đã gay gắt phê phán: “bản thân từ “nghiên cứu” có lẽ là một trong những từ ngữ bản thủ nhất trong từ vựng của người bản địa”.

Những phê phán đó cho thấy bên cạnh xu hướng chung là chạy đua công bố quốc tế và xếp hạng đại học thì cũng xuất hiện những khuynh hướng nhỏ lẻ hơn phê phán lại các dòng chảy chính đó. Ở đó, người ta đặt ra câu hỏi “sản xuất tri thức khoa học để làm gì?” khi

mà nó chỉ phục vụ lợi ích của nhà nghiên cứu còn đối tượng nghiên cứu thì bị bỏ quên? Câu hỏi này sẽ ngày càng hiển hiện hơn, nhất là ở các nước đang phát triển, bởi ở đó, mối quan hệ giữa đối tượng nghiên cứu và nhà nghiên cứu thật khó mà tách bạch ra về các quan hệ xã hội.

Giải độc quyền của các nhà nghiên cứu

Nghe có vẻ hơi lãng mạn hóa khi đi tìm sự bình đẳng xã hội từ góc nhìn học thuật, nhưng càng ngày, nhu cầu tương tác giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu càng tăng lên và các đối tượng nghiên cứu cũng có những yêu cầu, đòi hỏi đối với nhà nghiên cứu. Điều đó làm cho “nghiên cứu” không còn là việc độc quyền của các nhà nghiên cứu nữa. Thay vào đó, khoảng cách giữa đối tượng nghiên cứu và nhà nghiên cứu ngày càng phải thu hẹp, thậm chí cả về lợi ích và cả những tiêu chí đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học. Sẽ thật bất công khi một công trình nghiên cứu về đối tượng nghiên cứu được xuất bản sau khi được các chuyên gia - những người ngoài cuộc - đánh giá, trong khi người trong cuộc là đối tượng nghiên cứu lại không được tham gia, thậm chí còn không biết đến sự tồn tại của nó. Những quan điểm này đang được nhiều nhà khoa học ủng hộ nhằm giải tình trạng độc quyền của các nhà nghiên cứu trong sản xuất tri thức khoa học, một tình trạng dễ bị lợi dụng nhất, như Linda Tuhiwai Smith đã nhấn mạnh rất rõ ràng tính bất đối xứng này giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu.

Nhưng phải nhấn mạnh rằng, việc phê phán cuộc chạy đua công bố quốc tế vốn chỉ mang lại lợi ích cho nhà nghiên cứu hay giải độc quyền của nhà nghiên cứu trong sản xuất tri thức khoa học, xét cho cùng không phải để dẹp bỏ công bố quốc tế hay để phủ nhận công lao các nhà khoa học. Mà quan trọng hơn, sự phê phán này muốn tìm đến những phương pháp mới, những lý thuyết

mới trong tiếp cận nghiên cứu khoa học. Cái mà Stan BH Tan-Tangbau gọi là đề hướng đến công bằng xã hội từ thực tiễn nhận thức trong thời đại kỹ thuật số. Ông cho rằng trong sự phát triển kỹ thuật số hiện nay, các mạng lưới xã hội sẽ góp phần rút ngắn khoảng cách giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu, tăng sự tương tác giữa hai nhóm này lên nhằm đảm bảo công bằng hơn trong quá trình sản xuất tri thức. Từ đó, cần thay đổi phương pháp tiếp cận khoa học với sự hỗ trợ của kỹ thuật số. Trong khi đó, Linda Tuhiwai Smith cũng cho rằng “khi sự bất cân xứng giữa Nhà nghiên cứu và Đối tượng nghiên cứu bị loại bỏ hoặc giảm bớt, các nghiên cứu với tư cách là hoạt động, về cơ bản, sẽ khác nhau và kết quả là, “các câu hỏi sẽ khác nhau, các ưu tiên được xếp hạng khác nhau, các vấn đề được định nghĩa khác nhau, và mọi người tham gia vào các khoản mục khác nhau” (Smith 2012: loc 3937). Và chính những phê phán này đã tạo ra nguồn cảm hứng cho nhiều nhà nghiên cứu xây dựng ra một lĩnh vực riêng gọi là bản địa học phê phán. Cùng với đó là hàng loạt các phương pháp tiếp cận khác nhau được đưa ra và vận dụng. Những lý thuyết mới, phương pháp mới đã góp phần làm cho mối quan hệ giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu được sát lại gần nhau hơn, qua đó cũng dần ảnh hưởng đến những công bố quốc tế khi mà người ta đang dần đề mắt đến vai trò của đối tượng nghiên cứu trong quá trình đánh giá các công trình nghiên cứu.

Tóm lại, trong quá trình hội nhập và phát triển, nhất là trong lĩnh vực khoa học, giáo dục, trí thức đóng vai trò quan trọng. Trí thức là những con người tiêu biểu nhất cho nguồn nhân lực chất lượng cao, và là cơ sở nền tảng quan trọng cho quá trình hội nhập. Và trí thức cũng là nhân tố chủ chốt trong các cuộc chạy đua xếp hạng đại học hay công bố quốc tế, vốn đang trở thành dòng chảy chính của học thuật và giáo dục đại học thế giới. Nhưng bất kỳ dòng chảy lớn nào cũng có những phụ lưu của nó. Và bên cạnh những

giá trị mà việc quốc tế hóa nền học thuật mang lại thì cũng có những vấn đề đặt ra. Đó là mối quan hệ giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu như thế nào? Tại sao lại dẫn đến tình trạng bất đối xứng trong mối quan hệ này và làm thế nào để hạn chế sự bất đối xứng giữa đối tượng nghiên cứu và nhà nghiên cứu. Những điều này sẽ là nguồn cảm hứng cho các phụ lưu của nền học thuật hiện tại và biết đâu đó sẽ trở thành những dòng chảy chính mạnh mẽ trong tương lai không xa./.

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Phương Chi (2019), *Chiến thuật giải thực dân các phương pháp cho nhà nghiên cứu bản địa*. Bản online trên <http://khoaahocphattrien.vn/kham-pha/huyen-tuong-thuong-de/20191010025133760p1c879.htm>.
2. Linda Tuhiwai Smith (1999 và tái bản 2012), *Decolonizing Methodologies: Research and Indigenous Peoples*. Zed Books, London & New York.
3. Tan-Tangbau, Stan BH, Cecilia Koh-Maran and Charity Lu Lu Seng Maru, eds (2016), *#kachinlifestories Anthologies Volume I*. Apple: iBooks Store.
4. Tan-Tangbau, Stan BH and Cecilia Koh-Maran, eds, (2018), *#kachinlifestoriesAnthologies Volume II*. Apple: iBooks Store.
5. Tan-Tangbau, Stan BH (2019), *Công bằng xã hội từ thực tiễn - Hướng tới phương thức nhận thức đậm sắc thái trong Thời đại kỹ thuật số*. Tham luận tại Hội thảo quốc tế: “Thực hiện công bằng xã hội trong bối cảnh kinh tế thị trường: Kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam”, do Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức ngày 15-16/07 tại Ninh Bình. Bản dịch tiếng Việt do tác giả chia sẻ.